**ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10**

**MÔN: VẬT LÝ**

**Năm học: 2019 – 2020**

**1. Phạm vi kiến thức:** Chương trình Vật lý lớp 9

**2. Mục đích:**

- Đối với học sinh: Đánh giá kết quả học tập, rút ra ưu nhược điểm để tiếp tục cố gắng.

- Đối với giáo viên: Thông qua kiểm tra đánh giá học sinh mà nắm được mức độ tiếp thu kiến thức của các em, từ đó có biện pháp điều chỉnh trong giảng dạy để khắc phục những yếu kém của các em để nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 (nếu được chọn).

**3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra :**

**a) *Tổng số điểm toàn bài:*** 10 điểm.

**b) *Tính trọng số điểm cho từng mạch nội dung:***

- Chương I: Cơ học (8) = 2/40 = 5%

- Chương II: Nhiệt học(8) = 2/40 = 5%

- Chương I: Điện học (9) = 12/40 = 30%

- Chương II: Điện từ học (9) = 10/40 = 25%

- Chương III: Quang học (9) = 12/40 = 30%

- Chương IV: Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng (9) = 2/40 = 5%

**c) *Tính toán số điểm với từng mạch nội dung: 0,5đ – 0,5 đ - 3,0đ – 2,5đ – 3,0đ – 0,5đ***

**d) *Số câu và tính số điểm cho từng cấp độ nhận thức:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 20 câu (5đ) | 10 câu (2,5đ) | 6 câu (1,5đ) | 4 câu (1đ) |

**e) *Ma trận đề***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| Chương I: Cơ học (8) | 1 câu0,25đ | 1 câu0,25đ |  |  | 2 câu0,5đ |
| Chương II: Nhiệt học(8) | 1 câu0,25đ | 1 câu0,25đ |  |  | 2 câu0,5đ |
| Chương I: Điện học | 5 câu1,25đ | 4 câu1đ | 2 câu0,5đ | 1 câu0,25đ | 12 câu3,0đ |
| Chương II:Điện từ học | 6 câu1,5đ | 1 câu0,25đ | 2 câu0,5đ | 1 câu0,25đ | 10 câu2,5đ |
| Chương III:Quang học | 5 câu1,25đ | 3 câu0,75 đ | 2 câu0,5đ | 2 câu0,5đ | 12 câu3,0đ |
| Chương IVChuyển hóa và bảo toàn năng lượng | 2 câu0,5đ |  |  |  | 2 câu0,5đ |
| **Tổng số câu****Tổng số điểm****Tỉ lệ** | **20 câu****5đ****50%** | **10 câu****2,5đ****25%** | **6 câu****1,5đ****15%** | **4 câu****1đ****10%** | **40 câu****10đ****100%** |

**4. Ra đề thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÌNH XUYÊN**Họ và tên:…………………..Số báo danh: ……………………. | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10****MÔN: VẬT LÝ****Năm học: 2019 – 2020****Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)** |

 **ĐỀ SỐ 1**

***Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.***

**Câu 1: Đơn vị nào dưới đây là đơn vị đo điện trở**

 A. Ôm (Ω) B. Oát (W) C. Ampe (A) D. Vôn (V)

**Câu 2: Hai điện trở R1 = 8Ω, R2 = 2Ω mắc song song với nhau vào hiệu điện thế U = 3,2V. Cường độ dòng điện chạy qua mạch chính là:**

 A. 1A B. 1,5A C. 2,0A D. 2,5A

**Câu 3: Dây dẫn có chiều dài l, tiết diện S và làm bằng chất có điện trở suất ρ, thì có điện trở R được tính bằng công thức.**

A. R = ρ B. R = ρ C. R =  D. R = 

**Câu 4: Đoạn mạch gồm hai điện trở R1 và R2 *mắc nối tiếp* có điện trở tương đương là:**

 A.  B.  C. R1 + R2 D. Cả 3 đáp án A, B, C đều sai.

**Câu 5: Nhiệt dung riêng của nước là 4200J/kg.K cho biết điều gì?**

1. Muốn làm 1 kg nước nóng thêm 10C cần truyền cho nước một nhiệt lượng 4200J.
2. Muốn làm 1 g nước nóng thêm 10C cần truyền cho nước một nhiệt lượng 4200J.
3. Muốn làm 10 kg nước nóng thêm 10C cần truyền cho nước một nhiệt lượng 4200J.
4. Muốn làm 1 kg nước nóng thêm 10C cần truyền cho nước một nhiệt lượng là 420J.

**Câu 6: Trong một biến trở có ghi 30Ω -2,5A. Các số ghi này có ý nghĩa nào dưới đây?**

A. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là 30Ω và chịu được dòng điện nhỏ nhất là 2,5A

B. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là 30Ω và chịu được dòng điện lớn nhất là 2,5A

C. Biến trở có điện trở lớn nhất là 30Ω và chịu được dòng điện lớn nhất là 2,5A

D.Biến trở có điện trở lớn nhất là 30Ω và chịu được dòng điện nhỏ nhất là 2,5A

**Câu 7: Một bếp điện khi hoạt động bình thường có điện trở R = 80Ω và cường độ dòng điện qua bếp khi đó là I = 2,5A. Nhiệt lượng mà bếp tỏa ra trong 1 giây là:**

A. 200J. B. 300J C. 400J D. 500J.

**Câu 8: Một dây dẫn bằng đồng có chiều dài l1= 2m có điện trở R1 và một dây đồng cùng tiết diện, chiều dài l2= 6m có điện trở R2. Kết quả nào sau đây là đúng khi so sánh R1 và R2?**

A. R1=3R2 B. R2=3R1 C. R1>R2 D. R1=R2

**Câu 9:** **Một đèn loại 220V – 75W và một đèn loại 220V – 25W được sử dụng đúng hiệu điện thế định mức. Trong cùng thời gian, so sánh điện năng tiêu thụ của hai đèn:**

 A. A1 = A2 B. A1 = 3 A2 C. A1 = A2  D. A1< A2

**Câu 10: Công suất tiêu thụ điện năng được tính bằng công thức nào sau đây?**

 A. P = U.I B. P = I.R2 C. P =  D. Cả ba công thức trên

**Câu 11: Định luật Jun-Lenxơ cho biết điện năng biến đổi thành:**

A. Cơ năng.B. Hoá năng.C. Nhiệt năng.D. Năng lượng ánh sáng.

**Câu 12: Để đảm bảo an toàn khi sử dụng điện, ta cần phải:**

A. Mắc nối tiếp cầu chì loại bất kỳ cho mỗi dụng cụ điện.

B. Sử dụng dây dẫn không có vỏ bọc cách điện.

C. Rút phích cắm đèn ra khỏi ổ cắm khi thay bóng đèn.

D. Làm thí nghiệm với nguồn điện có hiệu điện thế 220v.

Câu 13: Một bếp điện có ghi 220V-1210W được mắc vào mạng điện có hiệu điện thế 220V để đun sôi 3,5kg nước có nhiệt độ ban đầu là 150C. Biết hiệu suất của bếp là 75%, nhiệt lượng cung cấp để đun cho nước sôi được coi là có ích. Biết cnước= 4200 J/ kg.K. Tính nhiệt lượng do bếp tỏa ra và thời gian đun nước?

A. 1 666 000J và 1377s B. 1 800 000J và 1400s

C. 166 000J và 137s D. 1 566 000J và 1300s

**Câu 14: Một nam châm vĩnh cửu có đặc tính nào dưới đây?**

 A. Khi bị cọ xát thì hút các vật nhẹ.

 B. Khi bị nung nóng thì hút các vụn sắt.

 C. Có thể hút các vật bằng sắt.

 D. Một đầu có thể hút, còn đầu kia có thể đẩy các vụn sắt.

**Câu 15: Từ phổ là:**

 A. Tập hợp các đường sức của điện trường.

 B. Từ trường xuất hiện xung quanh dòng điện.

 C. Hình ảnh cụ thể về các đường sức từ.

 D. Lực từ tác dụng lên kim nam châm.

**Câu 16: Khi ngồi trên xe hành khách thấy mình nghiêng người sang trái. Câu nhận xét nào sau đây đúng?**

1. Xe đột ngột tăng vận tốc. C. Xe đột ngột rẽ sang phải.
2. Xe đột ngột giảm vận tốc. D. Xe đột ngột sang trái.

**Câu 17: Theo quy tắc nắm tay phải, người ta quy ước ngón tay cái choãi ra chỉ chiều**

A. Dòng điện chạy qua các vòng dây B. Đường sức từ trong lòng ống dây.

C. Lực điện từ tác dụng lên dây dẫn. D. Đường sức từ bên ngoài ống dây.

**Câu 18: Từ trường *không tồn tại* ở đâu?**

 A. Xung quanh nam châm. B. Xung quanh dòng điện.

 C. Xung quanh điện tích đứng yên. D. Xung quanh Trái Đất.

**Câu 19: Hiệu điện thế giữa hai đầu dây cuộn sơ cấp và cuộn thứ cấp của một máy biến thế lần lượt là 220V và 12V. Nếu số vòng dây cuộn sơ cấp là 440 vòng, thì số vòng dây cuộn thứ cấp là:**

 A. 240 vòng. B. 60 vòng. C. 24 vòng. D. 6 vòng.

**Câu 20: Bỏ vài hạt thuốc tím vào một cốc nước, thấy nước màu tím di chuyển thành dòng từ dưới lên trên. Lí do nào sau đây là đúng?**

1. Do hiện tượng truyền nhiệt B. Do hiện tượng đối lưu
2. Do hiện tượng bức xạ nhiệt D. Do hiện tượng dẫn nhiệt

**Câu 21: Một đoạn dây dẫn quấn quanh một lõi sắt được mắc vào nguồn điện xoay chiều và được đặt gần 1 lá thép. Khi đóng khoá K, lá thép dao động đó là tác dụng:**

 A. Cơ B. Nhiệt C. Điện D. Từ.

**Câu 22: Trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây.**

A. Luôn luôn tăng B. Luôn luôn giảm

C. Luân phiên tăng giảm. D. Luôn luôn không đổi

**Câu 23: Người ta truyền tải một công suất điện 1000kW bằng một đường dây có điện trở 20Ω. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây tải điện là 110kV. Công suất hao phí trên đường dây là**

 A. 242W B. 181,82W C. 1652,9W D. 165,29W

**Câu 24: Tác dụng từ của dòng điện thay đổi như thế nào khi dòng điện đổi chiều?**

A. Không còn tác dụng từ. B. Tác dụng từ mạnh lên.

C. Tác dụng từ giảm đi. D. Lực từ đổi chiều.

**Câu 25: Một nhà máy điện sinh ra một công suất 100000kW và cần truyền tải tới nơi tiêu thụ. Biết hiệu suất truyền tải là 95%. Công suất hao phí trên đường truyền là?**

 A. 50 000kW B. 5000kW C. 5kW D. 50kW

**Câu 26: Trong nồi cơm điện, năng lượng nào đã được biến đổi thành nhiệt năng**

 A. Cơ năng B. Điện năng C. Hóa năng D. Quang năng

**Câu 27: Đáp án nào sau đây thể hiện đầy đủ nhất về nội dung định luật bảo toàn năng lượng?**

A. Năng lượng không tự sinh ra mà chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác.

B. Năng lượng không tự mất đi mà chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác.

C. Năng lượng không tự sinh ra hay mất đi mà chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.

D. Muốn thu được một dạng năng lượng này thì phải tiêu hao một dạng năng lượng khác.

**Câu 28: Trên hình vẽ mô tả hiện tượng khúc xạ ánh sáng, tia khúc xạ là:**

N

A. Tia IP. B. Tia IN. C. Tia IP. D. Tia NI.

I

**Câu 29: Khi nói về thấu kính phân kì, câu phát biểu nào sau đây là sai ?**

A. Thấu kính phân kì có phần rìa dày hơn phần giữa.

B. Tia tới song song với trục chính thì tia ló kéo dài đi qua tiêu điểm của thấu kính.

C. Tia tới đến quang tâm của TK, tia ló tiếp tục truyền thẳng theo hướng của tia tới.

D. Tia tới song song với trục chính thì tia ló đi qua tiêu điểm của thấu kính.

**Câu 30: Hình vẽ cho biết Δ là trục chính của một thấu kính, AB là vật sáng, A’B’ là ảnh của AB. Nhận xét nào sau đây là đúng?**

A’

B’

B

A

Δ

 A. A’B’ là ảnh ảo, thấu kính đã cho là thấu kính hội tụ.

B. A’B’ là ảnh thật, thấu kính đã cho là thấu kính hội tụ.

C. A’B’ là ảnh ảo, thấu kính đã cho là thấu kính phân kỳ.

D. A’B’ là ảnh thật, thấu kính đã cho là thấu kính phân kỳ.

**Câu 31: Một kính lúp có tiêu cự f = 12,5cm, độ bội giác của kính lúp đó là:**

A. G = 10. B. G = 2. C. G = 8. D. G = 4.

**Câu 32: Máy ảnh gồm các bộ phận chính:**

 A. Buồng tối, kính màu, chỗ đặt phim.

 B. Buồng tối, vật kính, chỗ đặt phim.

 C. Vật kính, kính màu, chỗ đặt phim.

 D. Vật kính, kính màu, chỗ đặt phim, buồng tối.

**Câu 33: Lực đẩy Acsimet có thể tác dụng lên những vật nào dưới đây?**

1. Vật chìm hoàn toàn trong chất lỏng. B. Vật lơ lửng trong chất lỏng.

C. Vật nổi trên mặt thoáng của chất lỏng. D. Cả ba trường hợp trên.

**Câu 34: Khi nhìn một tòa nhà cao 10m ở cách mắt 20m thì ảnh của tòa nhà trên màng lưới mắt có độ cao bao nhiêu? Biết khoảng cách từ thể thủy tinh đến màng lưới là 2cm.**

 A. 0,5cm B. 1,0cm C. 1,5cm. D. 2,0cm

**Câu 35: Kính lúp là Thấu kính hội tụ có**

A. Tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.

B. Tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.

C. Tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.

D. Tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.

**Câu 36: Hiện tượng nào sau đây biểu hiện tác dụng sinh học của ánh sáng?**

A. Ánh sáng mặt trời chiếu vào cơ thể sẽ làm cho cơ thể nóng lên.

B. Ánh sáng chiếu vào một hỗn hợp khí clo và khí hiđro đựng trong một ống nghiệm có thể gây ra sự nổ.

C. Ánh sáng chiếu vào một pin quang điện sẽ làm cho nó phát điện.

D. Ánh sáng mặt trời lúc sáng sớm chiếu vào cơ thể trẻ em sẽ chống được bệnh còi xương.

**Câu 37: Tia tới song song trục chính một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15cm. Tiêu cự của thấu kính này là**

A. 15cm B. 20cm C. 25cm D. 30cm

**Câu 38: Vật sáng AB qua thấu kính hội tụ có tiêu cự f = 15 (cm) cho ảnh thật A’B’ cao gấp 5 lần vật. Khoảng cách từ vật tới thấu kính là:**

A. 50cm B. 5cm C. 30cm D. 18cm

**Câu 39: Khi nhìn thấy vật màu đen thì**

A. Ánh sáng đi đến mắt ta là ánh sáng trắng.

B. Ánh sáng đi đến mắt ta là ánh sáng đen.

C. Ánh sáng đi đến mắt ta là ánh sáng đỏ.

 D. Không có ánh sáng từ vật truyền tới mắt ta.

**Câu 40: Mắt của bạn Đông có khoảng cực cận là 10cm, khoảng cực viễn là 50cm. Bạn Đông không đeo kính sẽ thấy vật cách mắt trong khoảng.**

A. Từ 10cm đến 50cm. B. Lớn hơn 50cm.

C. Lớn hơn 40cm. D. Lớn hơn 10cm

***Chúc các em làm bài tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÌNH XUYÊN**Họ và tên:…………………..Số báo danh: ……………………. | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10****MÔN: VẬT LÝ****Năm học: 2019 – 2020****Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)** |

**ĐỀ SỐ 2**

***Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất***

**Câu 1: Đoạn mạch gồm hai điện trở R1 và R2 *mắc song song* có điện trở tương đương là:**

A. R1 + R2 B.  C.  D. Cả đáp án A, B đều đúng

**Câu 2: Tính chất nào sau đây không phải là của nguyên tử, phân tử?**

 A. Chuyển động hổn độn không ngừng..

 B. Có lúc chuyển động có lúc đứng yên.

 C. Giữa các nguyên tử phân tử có khoảng cách.

 D. Chuyển động càng nhanh khi nhiệt độ càng cao.

**Câu 3: Trong các hệ thức sau đây, đâu là hệ thức *đúng* của Định luật Ôm?**

A. U = I2.R B.  C.  D. 

**Câu 4: Đặt hiệu điện thế U = 12V vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở R1 = 40Ω và R2 = 80Ω mắc nối tiếp. Cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch này là:**

A. 0,1A B. 0,15A C. 0,45A D. 0,3A

**Câu 5: Trong các biểu thức sau đây, biểu thức nào là biểu thức của định luật Jun-Lenxơ?**

 A. Q = I².R.t B. Q = I.R².t C. Q = I.R.t D. Q = I².R².t

**Câu 6: Cho hai dây dẫn bằng cùng một kim loại, có cùng độ dài và cùng tiết diện tròn, bán kính lần lượt là R và 3R. Kết luận nào sau đây đúng?**

1. Dây nhỏ có điện trở nhỏ bằng 1/3 dây lớn.
2. Dây nhỏ có điện trở lớn gấp 9 lần dây lớn.
3. Dây nhỏ có điện trở lớn gấp 6 lần dây lớn.
4. Dây nhỏ có điện trở lớn gấp 3 lần dây lớn.

**Câu 7: Trong các hình vẽ dưới đây, hình vẽ *không dùng* để ký hiệu biến trở là**



 A. B. C. D.

**Câu 8: Một dây dẫn có điện trở 176Ω được mắc vào nguồn điện có hiệu điện thế U = 220V. Nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn đó trong 15 phút là:**

 A. 247.500J. B. 58.000calo C. 24.700J D. A và B đúng

**Câu 9: Sử dụng hiệu điện thế nào dưới đây khi làm thí nghiệm là an toàn đối với cơ thể người?**

 A. Nhỏ hơn hoặc bằng 40V B. Nhỏ hơn hoặc bằng 60V

 C. Nhỏ hơn hoặc bằng 80V D. Nhỏ hơn hoặc bằng 100V

**Câu 10: Trên bóng đèn có ghi 6V – 3W. Khi đèn sáng bình thường thì dòng điện chạy qua đèn có cường độ là bao nhiêu?**

 A. 18A B. 3A C. 2A D. 0,5A

**Câu 11: Cho hai điện trở mắc nối tiếp, mối quan hệ giữa nhiệt lượng toả ra trên mỗi dây và điện trở của nó được viết như sau:**

A. =  B =  C. =  D. A và C đúng

**Câu 12. Điện năng được đo bằng dụng cụ nào dưới đây?**

 A. Ampe kế B. Công tơ điện C. Vôn kế D. Đồng hồ đo điện đa năng

**Câu 13: Một bếp điện có ghi 220V- 1100W được sử dụng với hiệu điện thế 220V để đun sôi 2,5*l* nước từ nhiệt độ ban đầu là 250C thì mất một thời gian là 12 phút 30 giây. (Biết nhiệt dung riêng của nước là 4200J/kg.K). Hiệu suất của bếp là:**

 A. 80% B. 85% C. 90% D. 95%

**Câu 14: Trong các dụng cụ dưới dây, dụng cụ nào được dùng để nhận biết từ trường?**

A. Ampe kế B. Vôn kế C. Áp kế D. Kim nam châm có trục quay.

**Câu 15: Khi nào hai thanh nam châm hút nhau?**

A. Khi hai cực Bắc để gần nhau. B. Khi hai cực Nam để gần nhau.

C. Khi để hai cực khác tên gần nhau. D. Khi cọ xát hai cực cùng tên vào nhau.

**Câu 16: Nguồn điện có công suất điện 6,2 kW được truyền tải từ nhà máy phát điện xoay chiều với hiệu điện thế ổn định 620 V đến nơi tiêu thụ bằng đường dây tải điện có điện trở tổng cộng là 5. Công suất hao phí trên đường dây tải điện là**

A. 0,5kW B. 5kW C. 15kW D. 50kW

**Câu 17: Tại sao về mùa đông mặc nhiều áo mỏng ấm hơn một áo dày?**

1. Áo dày nặng nề
2. Giữa các lớp áo mỏng có không khí, mà không khí dẫn nhiệt kém
3. Áo dày truyền nhiệt nhanh hơn.
4. Áo mỏng nhẹ hơn.

**Câu 18: Trong quy tắc bàn tay trái, chiều từ cổ tay đến ngón tay là chiều của:**

 A. Lực điện từ. B. Chiều của các từ cực.

 C. Đường sức từ. D.Dòng điện.

**Câu 19: Nam châm điện nào sau đây có từ tính mạnh nhất? (Gọi I là cường độ dòng điện qua ống dây, n là số vòng dây)**

 A. I = 1A; n = 500 vòng. B. I = 1A; n = 750 vòng.

 C. I = 2A; n = 500 vòng D. I = 2A; n = 750 vòng.

**Câu 20: Xe ô tô đang chuyển động đột ngột dừng lại. Hành khách trong xe bị:**

1. Nghiêng người sang phía trái. C**.** Xô người về phía trước
2. Nghiêng người sang phía phải. D**.** Ngả người về phía sau.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 21: Một nam châm được gắn chặt trên một chiếc xe lăn (Hình 24.3). Khi đóng khóa K, hãy cho biết vị trí của xe so với ống dây?** | 011.24 |

A. Chuyển động lại gần ống dây. B. Chuyển động ra xa ống dây.

 C. Vẫn đứng yên. D.Xe bị quay.

**Câu 22: Động cơ điện một chiều là dụng cụ biến đổi:**

A. Nhiệt năng thành điện năng. B. Điện năng chủ yếu thành cơ năng.

C. Cơ năng thành điện năng. D. Điện năng thành nhiệt năng.

**Câu 23: Số vòng dây cuộn sơ cấp và cuộn thứ cấp của một máy biến thế lần lượt có 15000 vòng và 150 vòng. Nếu hiệu điện thế giữa hai đầu cuộn thứ cấp là 220V, thì hiệu điện thế giữa hai đầu cuộn sơ cấp là**

 A. 22000V. B. 2200V. C. 22V. D. 2,2V.

**Câu 24: Máy phát điện xoay chiều gồm hai bộ phận chính là?**

 A. Hai cuộn dây có số vòng dây khác nhau. B. Nam châm và cuộn dây dẫn.

C. Hai nam châm. D. Một cuộn dây dẫn và một lõi sắt pha silic

**Câu 25: Khi đo hiệu điện thế xoay chiều ta dùng:**

1. Ampe kế xoay chiều. C. Ampe kế một chiều.
2. Vôn kế xoay chiều. D. Vôn kế một chiều.

**Câu 26: Trong quá trình biến đổi từ động năng sang thế năng và ngược lại, điều gì luôn xảy ra với cơ năng?**

 A. Luôn được bảo toàn B. Luôn tăng thêm

 C. Luôn mất bớt đi. D. Lúc tăng, lúc giảm

**Câu 27: Trong các thiết bị điện sau đây thiết bị nào chủ yếu biến điện năng thành nhiệt năng?**

 A. Máy quạt. B. Bàn là điện. C. Máy khoan. D. Máy bơm nước

**Câu 28: Trường hợp nào dưới đây, tia sáng truyền tới mắt ta là tia khúc xạ?**

A. Khi ta ngắm một bông hoa trước mắt.

B. Khi ta soi gương

C. Khi ta quan sát một con cá vàng đang bơi trong bể cá cảnh.

D. Khi ta xem chiếu bóng.

**Câu 29: Thấu kính hội tụ có đặc điểm biến đổi chùm tia tới song song thành**

A. Chùm tia phản xạ. B. Chùm tia ló hội tụ.

C. Chùm tia ló phân kỳ. D. Chùm tia ló song song khác.

**Câu 30: Kính lúp có độ bội giác G = 5, tiêu cự f của kính lúp đó là**

 A. 5cm. B. 10cm. C. 20cm. D. 30cm.

**Câu 31: Trong công thức tính lực đẩy Acsimet: FA = d.V. Các đại lượng d và V là gì?**

1. d là trọng lượng riêng của vật, V là thể tích vật.
2. d là trọng lượng riêng của chất lỏng, V là thể tích vật.
3. d là trọng lượng riêng của chất lỏng, V là thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
4. d là trọng lượng riêng vật, V là thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

**Câu 32: Khi đặt trang sách trước một thấu kính phân kỳ thì**

A. Ảnh của dòng chữ nhỏ hơn dòng chữ thật trên trang sách.

B. Ảnh của dòng chữ bằng dòng chữ thật trên trang sách.

C. Ảnh của dòng chữ lớn hơn dòng chữ thật trên trang sách.

D. Không quan sát được ảnh của dòng chữ trên trang sách.

**Câu 33: Mắt người có thể nhìn rõ một vật khi vật đó nằm trong khoảng**

A. Từ điểm cực cận đến mắt. B. Từ điểm cực viễn đến vô cực.

C. Từ điểm cực cận đến điểm cực viễn. D. Từ điểm cực viễn đến mắt.

**Câu 34: Nhận định nào *khôngđúng?* Quan sát một vật nhỏ qua kính lúp, ta sẽ nhìn thấy**

A. Ảnh cùng chiều với vật. B. Ảnh lớn hơn vật.

C. Ảnh ảo. D. Ảnh thật lớn hơn vật.

**Câu 35: Vật AB cao 1,5m, khi chụp thấy ảnh của nó cao 6cm và cách vật kính 10cm. Khoảng cáchtừ vật đến máy ảnh là:**

A. 250cm. B. 25cm. C. 90cm. D. 40cm.

**Câu 36: Tác dụng nào sau đây *không phải* do ánh sáng gây ra?**

A. Tác dụng nhiệt. B. Tác dụng quang điện.

C. Tác dụng từ. D. Tác dụng sinh học.

**Câu 37: Một thấu kính phân kì có tiêu cự 25cm. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm F và F’ là**

 A. 12,5cm. B. 25cm. C. 37,5cm. D. 50cm.

**Câu 38: Khi nhìn một tòa nhà cao 15m ở cách mắt 10m thì ảnh của tòa nhà trên màng lưới mắt cóđộ cao bao nhiêu? Biết khoảng cách từ thể thủy tinh đến màng lưới là 2cm.**

 A. 2,5cm. B. 3,0cm. C. 1,5cm. D. 2,0cm.

**Câu 39: Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như**

 A. Thấu kính phân kì. B. Kính râm.

 C. Thấu kính hội tụ. D. Kính mát.

**Câu 40: Sau tấm kính lọc màu xanh ta thu được ánh sáng màu xanh. Chùm ánh sáng chiếu vào tấmlọc là**

A. Ánh sáng đỏ. B. Ánh sáng vàng.

C. Ánh sáng trắng . D. Ánh sáng từ bút lade.

***Chúc các em làm bài thi tốt !***

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10**

**MÔN: VẬT LÝ**

**Năm học: 2019 – 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đề 01** | A | C | B | C | A | C | D | B | B | A |
| **Đề 02** | C | B | D | A | A | B | C | A | A | D |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đề 01** | C | C | A | C | C | C | B | C | C | B |
| **Đề 02** | D | B | D | D | C | A | B | D | D | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **Đề 01** | D | C | C | D | B | B | C | D | D | A |
| **Đề 02** | B | B | A | B | B | A | B | C | B | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đề 01** | B | B | D | B | C | D | A | D | D | A |
| **Đề 02** | C | A | C | D | A | C | D | B | B | C |
| ***Mỗi câu đúng được 0,25 đ, tổng toàn bài 10 điểm*** |
| **BAN GIÁM HIỆU****Kí duyệt** | **NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN****Kí duyệt** | **NGƯỜI RA ĐỀ** |
| **Đoàn Thúy Hòa** | **Nguyễn Thị Thanh Quỳnh** | **Phạm Thị Thu Hải** |